TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 66/2024/DS-PT
Ngày 29 – 01– 2024
V/v tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hùng Quang.

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Hải Hà.

Bà Châu Minh Hoàng.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Trọng Bằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà:* Ông Bùi Trung Biển– Kiểm sát viên.

Ngày 09 và 29 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 430/2023/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 314/2023/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 331/2023/QĐ-PT ngày 04 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lâm Chí D, sinh năm: 1975

Bà Lâm Ngọc X, sinh năm: 1977

Cư trú tại: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lâm Chí D: Bà Nguyễn Kim K, sinh năm 1976; cư trú tại: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (Văn bản ủy quyền ngày 01/8/2022 - có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lâm Ngọc X: Ông Dương Việt K1, sinh năm 1985; cư trú tại: Khóm G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau (Văn bản ủy quyền ngày 08/8/2022 - có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn M – Văn phòng luật sư Nguyễn Văn M, thuộc Đoàn luật sư tỉnh C (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Lâm Văn M1, sinh năm: 1971 (có mặt)

Cư trú tại: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Ngô Đình C - Văn phòng luật sư Ngô Đình C, thuộc Đoàn luật sư tỉnh C (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Lâm Thị C1, sinh năm: 1965 (vắng mặt)

2. Bà Võ Thị Y, sinh năm: 1976 (vợ ông M1 - vắng mặt)

3. Chị Lâm Bảo T, sinh năm: 1997 (con ông M1 - vắng mặt)

Cùng cư trú tại: ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

4. Anh Lâm Thành P, sinh năm: 1999 (con ông M1 - xin vắng mặt)

5. Chị Lâm Tuyết N, sinh năm: 2002 (con ông M1 - xin vắng mặt)

Cùng cư trú tại: D, G, nhà T, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương

6. Anh Lâm Trọng N1, sinh năm: 1991 (con ông G – có mặt)

7. Chị Lâm Mộng K2, sinh năm: 1992 (con ông G – có mặt)

8. Chị Lâm Thị L, sinh năm: 1989 (con ông G – vắng mặt)

Cùng cư trú tại: ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

9. Ông Quách Văn T1 (xin vắng mặt)

10. Ông Quách Quốc S (xin vắng mặt)

11. Bà Nguyễn Ngọc T2 (xin vắng mặt)

12. Ông Ngô Trung H (xin vắng mặt)

13. Bà Trần Bích T3 (xin vắng mặt)

14. Ông Bùi Quang Đ (xin vắng mặt)

15. Bà Nguyễn Cẩm T4 (xin vắng mặt)

16. Ông Phạm Thanh H1 (xin vắng mặt)

17. Ông Nguyễn Văn X1 (xin vắng mặt)

18. Bà Nguyễn Tố N2 (xin vắng mặt)

19. Bà Phạm Ngọc N3 (xin vắng mặt)

20. Ông Nguyễn Văn Ú (xin vắng mặt)

21. Ông Trần Vũ L1 (xin vắng mặt)

22. Bà Trần Thị Diễm T5 (xin vắng mặt)

23. Ông nguyễn Văn Q (xin vắng mặt)

24. Bà Nguyễn Thị L2 (vợ ông Q-(xin vắng mặt)

25. Bà Trương Thị M2 (vắng mặt)

26. Ông Cao Lý T6 (xin vắng mặt)

27. Bà Trần Hằng N4 (xin vắng mặt)

28. Ông Từ Văn T7 (vắng mặt)

29 Anh Huỳnh Tuấn C2 (con rễ ông T7 – xin vắng mặt)

30. Chị Từ Gia L3 (con gái ông T7 – xin vắng mặt)

31. Bà Trần Diễm T8 (xin vắng mặt)

32. Bà Nguyễn Thị T9 (xin vắng mặt)

33. Ông Trần Quốc L4 (vắng mặt)

34. Ông Phan Chí N5 (xin vắng mặt)

35. Ông Vũ Việt P1 (xin vắng mặt)

36. Ông Huỳnh Quốc A (xin vắng mặt)

37. Ông Đặng Hoàng R (xin vắng mặt)

38. Bà Hồ Thanh N6 (xin vắng mặt)

39. Ông Nguyễn Văn K3 (xin vắng mặt)

40. Ông Trương Văn S1 (vắng mặt)

41. Bà Tống Kiều O (vắng mặt)

42. Bà Danh Hồng T10 (xin vắng mặt)

43. Ông Đỗ Văn K4 (vắng mặt)

44. Bà Lý Thị T11 (xin vắng mặt)

45. Ủy ban nhân dân xã K

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Việt T12 – Chủ tịch

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Thanh P2 – Công chức địa chính-Nông nghiệp- Xây dựng-Môi trường (văn bản uỷ quyền ngày 01/8/2023 – vắng mặt)

Cùng cư trú tại: ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo*: Lâm Văn M1 là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Lâm Ngọc X trình bày:*

Ông, bà nội của bà là ông Lâm Văn T13 (chết thời kháng chiến chống Mỹ) và bà Trương Thị M3 (chết năm 2010) có phần đất diện tích 43.440m^2, trong đó đất ở 300m^2, đất vườn 5.250m^2, đất trồng lúa 37.890m^2 tại ấp K, xã K, huyện T, được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995. Ông T13, bà M3 chết không để lại di chúc. Ông bà có 04 người con là Lâm Văn N7 (chết năm 1982), ông Lâm Văn G1 (chết năm 2019), bà Lâm Thị C1, ông Lâm Văn M1. Ông N7 có vợ là bà Nguyễn Thị H2 (chết) có 02 người con là Lâm Chí D và Lâm Ngọc X. Ông G1 có vợ là Đoàn Thị L5 (chết) có 03 người con Lâm Trọng N1, Lâm Mộng K2 và Lâm Thị L.

Sau khi ông T13, bà M3 chết thì gia đình ông M1 quản lý, sử dụng phần đất. Năm 2015, Ủy ban nhân dân huyện T thu hồi đất diện tích 16.416,3m^2 (66m^2 đất ở và 16.350,3m^2 đất vườn và trồng lúa) diện tích còn lại 27.027,7m^2, trong đó đất ở 234m^2 và đất nông nghiệp là 26.793,7m^2, gia đình ông M1 đã nhận tiền bồi thường. Bà X yêu cầu chia di sản thừa kế.

Bà Nguyễn Kim K – Người đại diện hợp pháp của ông Lâm Chí D trình bày:

Bà thống nhất lời trình bày của bà Lâm Ngọc X. Bà yêu cầu ông Lâm Văn M1 chia thừa kế phần đất theo đo đạc thực tế 28.628,5m^2 cho bà X và ông D được hưởng ¼ di sản thừa kế và nhận đất diện tích theo đo đạc 7.000,5m^2.

Nay ông D và bà X yêu cầu chia thừa kế phần đất của ông Lâm Văn T13 và bà Trương Thị M3 yêu cầu ông Lâm Văn M1 chia thừa kế phần đất 27.027,7m^2 (theo đo đạc thực tế 28.628,5m^2)

Bị đơn ông Lâm Văn M1 trình bày:

Cha mẹ ông là ông Lâm Văn T13 (chết thời kháng chiến chống Mỹ, không có giấy chứng tử) và bà Trương Thị M3 (chết năm 2010). Cha mẹ ông có 04 người con là Lâm Văn N7 (chết), ông Lâm Văn G1 (chết năm 2019), bà Lâm Thị C1, ông Lâm Văn M1. Cha mẹ ông có phần đất diện tích 43.440m^2, trong đó đất ở 300m^2, đất vườn 5.250m^2, đất trồng lúa 37.890m^2 tọa lạc tại ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau, được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995. Ông bà nội chết không để lại di chúc. Lúc sinh thời, cha mẹ ông không chia đất cho ông Lâm Văn N7 nhưng đã cho đất Lâm Chí D (con ông N7) phần đất vườn ngang 07m, dài 40m, diện tích 280m^2 mặt tiền giáp lộ, ông D cất nhà ở ổn định cho đến nay.

Năm 2015 Ủy ban nhân dân huyện T thu hồi đất diện tích 16.416,3m^2, diện tích còn lại 27.027,7m^2, gia đình đã nhận tiền bồi thường xong. Hiện nay ông đang quản lý, sử dụng phần đất này.

Lúc còn sống bà Trương Thị M3 cố đất cho ông Nguyễn Văn T14 và bà Lý Thị T11 toàn bộ phần đất trồng lúa thửa số 5+6 theo đo đạc tổng diện tích 13.971m^2 nhưng trên giấy tờ cố đất do ông đứng tên, không nhớ ngày tháng năm, giá 02 lượng vàng 24k, không có thời hạn, khi nào ông có vàng thì chuộc đất lại. Nguyên đơn yêu cầu chia đất thửa số 6, thì ông không đồng ý, nếu Toà án phân chia thì ông không yêu cầu mà đất này bà M3 đã cho bà C1 thì bà C1 quyết định, ông không có ý kiến.

Nay ông D và bà X yêu cầu chia thừa kế thế vị và được chia phần đất diện tích 6.757m^2 (theo đo đạc 7.000,5m^2 vị trí theo đo đạc thửa số 3+ 6+ 7 theo Trích đo hiện trạng ngày 14/4/2023) ông M1 không đồng ý. Lý do cha mẹ còn sống đã cho đất ông D. Phần đất còn lại, cha mẹ ông để lại cho ông được hưởng. Lúc còn sống, mẹ ông đã chia cho bà Lâm Thị C1 (phần đất bên sông đối diện phần đất ông đang quản lý), chia cho ông D diện tích 280m^2 và ông Lâm Văn M1 diện tích 280m^2, phần còn lại giao cho ông quản lý, sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị C1 trình bày:

Bà đã nghe và thống nhất với nội dung trình bày của ông Lâm Văn M1 về nguồn gốc đất tranh chấp tại biên bản hoà giải ngày 26/10/2022.

Lúc sinh thời, mẹ ruột bà là Trương Thị M3 đã cho đất ông Lâm Chí D một phần đất theo đo đạc ngày 14/11/2022 diện tích 220,3m^2; cho ông Lâm Văn G1 phần đất 280m^2 cặp ranh đất ông D đang ở và cho bà phần đất không nhớ rõ diện tích nhưng theo đo đạc thực tế toàn bộ thửa số 05+ 06 (bao gồm phần đất thửa số 6 mà nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế), còn căn nhà của bà C1 đang ở (nhà số C) bà

C1 mượn đất của ông M1. Việc bà M3 cho đất bà chỉ nói miệng, không có giấy tờ. Bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chia thửa số 6.

Đối với nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất còn lại do ông Lâm Văn M1 đang quản lý, thì bà không có ý kiến.

Đối với Trích đo hiện trạng ngày 14/4/2023 của Công ty TNHH P3 và Chứng thư thẩm định giá tài sản ngày 10/5/2023 và Trích đo hiện trạng ngày 14/11/2022 của Công ty TNHH P3 và Chứng thư thẩm định giá tài sản ngày 26/12/2022, bà không có ý kiến. Cha mẹ đã cho đất bà nên bà không có yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Lâm Văn T13 và bà Trương Thị M3 để lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lâm Thành P trình bày:

Anh đã nghe và thống nhất với nội dung trình bày của ông Lâm Văn M1 về nguồn gốc đất tranh chấp tại biên bản hoà giải ngày 26/10/2022. Anh là con ruột của ông Lâm Văn M1 và bà Võ Thị Y. Bà Y đã đi Hàn Quốc sinh sống hơn 03 năm nay, chưa ly hôn với ông M1.

Lúc sinh thời, anh nghe cha mẹ nói lại cho đất ông Lâm Chí D một phần đất ngang 07m, dài 40m diện tích 280m^2; cho ông Lâm Văn G1 phần đất diện tích 280m^2 cặp ranh đất ông D đang ở và cho bà Lâm Thị C1 phần đất không nhớ rõ diện tích nhưng theo đo đạc thực tế toàn bộ thửa số 05+ 06 (bao gồm phần đất thửa số 6 mà nguyên đơn yêu cầu chia), còn căn nhà của bà C1 đang ở (nhà số C) bà C1 mượn đất của ông M1. Việc ông bà nội cho đất bà C1 chỉ nói miệng, không có làm giấy tờ.

Đối với nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất do cha anh đang quản lý, thì anh không có ý kiến, do ông Lâm Văn M1 quyết định.

Hiện nay anh đang đi làm và ở tại địa chỉ D, G, nhà T, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Do điều kiện đi làm ăn xa nên anh yêu cầu Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án và xin từ chối nhận các văn bản tố tụng của Toà án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lâm Tuyết N trình bày:

Anh đã nghe và thống nhất với nội dung trình bày của ông Lâm Văn M1 về nguồn gốc đất tranh chấp tại biên bản hoà giải ngày 26/10/2022 và thống nhất với trình bày của anh Lâm Thành P. Chị là con ruột của ông Lâm Văn M1 và bà Võ Thị Y. Bà Y đã đi Hàn Quốc sinh sống hơn 03 năm nay, chưa ly hôn với ông M1.

Đối với nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất cha chị đang quản lý, thì chị không có ý kiến, do ông Lâm Văn M1 quyết định.

Hiện nay anh đang đi làm và ở tại địa chỉ D, G, nhà T, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Do điều kiện đi làm ăn xa nên chị yêu cầu Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án và xin từ chối nhận các văn bản tố tụng của Toà án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lâm Trọng N1 trình bày:

Anh là con ruột của ông Lâm Văn G1 và bà Đoàn Thị L5 (cả hai đã chết). Ông G1 và bà L5 có 03 người con chung là Lâm Thị L (đang sinh sống ở Hàn

Quốc), Lâm Trọng N1 và Lâm Mộng K2. Lúc sinh thời bà nội là Trương Thị M3 đã cho đất ông Lâm Chí D một phần đất ngang 07m, dài 40m, cho ông Lâm Văn G1 ngang 07m, dài 40m từ mé Kinh Dớn trở vào đất liền và cho bà Lâm Thị C1 phần đất không nhớ rõ diện tích nhưng theo đo đạc thực tế toàn bộ thửa số 05+ 06 (bao gồm phần đất thửa số 6 mà nguyên đơn yêu cầu chia). Phần đất còn lại bà M3 cho ông M1 quản lý sử dụng. Còn căn nhà của bà C1 đang ở (nhà số C) bà C1 mượn đất của ông M1.

Đối với nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất ông M1 đang quản lý, thì anh không có ý kiến và không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lâm Mộng K2 trình bày:

Chị là con ruột của ông Lâm Văn G1 và bà Đoàn Thị L5 (cả hai đã chết) và có 03 người con đúng như anh N1 trình bày. Riêng chị ruột là Lâm Thị L đi Hàn Quốc sinh sống hơn 14 năm nay.

Lúc sinh thời bà nội là Trương Thị M3 có cho đất ông D và ông G1, bà C1 hay không thì chị không biết. Trước khi ông G1 chết, ông G1 có yêu ông Lâm Văn M1 đến lập để lập văn bản chia đất cho ông G1 để lại cho các con, không nói rõ diện tích bao nhiêu nhưng ông M1 không đồng ý. Theo chị thì ông bà nội còn sống chưa cho đất ông Lâm Văn G1, chỉ cho ông G1 phần đất ngang 07m, dài 40m cặp nhà ông D để cất nhà ở tạm. Ông G1 hoán đổi đất ông M1 sang phần đất mà chị và anh Lâm Trọng N1 đang ở (vị trí nhà số C, diện tích 351,1m^2).

Đối với nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất ông M1 đang quản lý, thì chị không có ý kiến và không có yêu cầu Toà án giải quyết trong vụ án này.

Những người có liên quan đang sinh sống trên phần đất thuê của ông Lâm Văn M1 đều không có yêu cầu Toà án giải quyết và xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tống Kiều O trình bày:

Trước đây bà và ông Trương Văn S1 có nhận chuyển nhượng của người khác (không rõ họ tên, địa chỉ) 01 căn nhà diện tích theo đo đạc 196m2 vị trí nhà số C với giá 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), có lập giấy tay. Còn phần đất do người chuyển nhượng lại nhà cho vợ chồng bà thuê của ông Lâm Văn M1, không rõ bao nhiêu tiền nhưng đã thanh toán tiền thuê đất cho ông M1 xong. Vợ chồng bà nhân nhà ở từ năm 2022 đến nay, chưa trả tiền thuê đất cho ông M1. Hợp đồng thuê đất giữa vợ chồng bà với ông M1 do ông S1 cất giữ, sẽ cung cấp cho Toà án sau. Đối với tranh chấp đất giữa ông D với ông M1 có liên quan đến căn nhà và đất của vợ chồng bà, nếu giao đất cho ông D thì bà yêu cầu tiếp tục thuê mua bán. Trường hợp yêu cầu vợ chồng bà trả lại nhà thì yêu cầu bồi thường giá trị nhà theo pháp luật. Bà yêu cầu Toà án gia hạn 10 ngày để làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết sau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị T11 trình bày:

Năm 2009 vợ chồng bà và ông Nguyễn Văn T14 ký hợp đồng thuê 05 công đất trồng lúa của của bà Trương Thị M3, giá cố đất là 20 chỉ vàng 24k. Do bà M3 sống chung với ông Lâm Văn M1 nên bà để ông M1 đứng trên hợp đồng, vị trí đất

cố cặp ranh đất của vợ chồng bà theo đo đạc thửa số 12, còn đất củ bà M3 thửa số 9 (theo đo đạc thửa số 5 và 6 diện tích hơn 10.000m^2), trong đó chỉ có 05 công đất trồng lúa, còn lại là bờ chuối do làm đường ống dẫn khí điện đạm xáng múc đắp thành bờ. Còn phần đất hiện nay ông D và bà X yêu cầu chia thừa kế theo bảng vẽ hiện trạng ngày 14/4/2023 (thửa số 3 diện tích 3000,4m^2) thì bà không xác định được có nằm trong phần đất nhận cố của bà Trương Thị M3 hay không, do bà không có chứng kiến đo đạc thực tế. Tuy nhiên, bà không có yêu cầu Toà án đo đạc, thẩm định lại. Nếu Toà án phân chia thừa kế và huỷ hợp đồng cố đất giữa bà và ông T14 với ông Lâm Văn M1 thì bà không có yêu cầu Toà án giải quyết hậu quả của hợp đồng cố đất mà tự thoả thuận với ông M1. Hiện nay ông Nguyễn Văn T14 -chồng bà đã chết, bà đứng ra chịu trách nhiệm đoái với hợp đồng cố đất với ông M1. Bà đã được Toà án giải thích đầy đủ quyền và nghĩa vụ liên quan đến thừa kế của ông T14 nhưng bà yêu cầu Toà án không đưa các con của bà vào tham gia tố tụng. Bà cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật. Đồng thời bà yêu cầu Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 314/2023/DS-ST ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Chí D và bà Lâm Ngọc X về việc chia thừa kế đối với phần đất có tổng diện tích theo đo đạc 28.628,5m^2 thuộc thửa số 685, 686, tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau, được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995 cho bà Trương Thị M3 đứng tên.

Ông Lâm Chí D và bà Lâm Ngọc X được chia phần đất có tổng diện tích 6.706,1m^2 trong đó phần đất ở 58,5m^2, trồng cây lâu năm 3.647,2m^2 thửa số 3 vị trí M6”-M7-M8-M9-M10-M11 và đất trồng lúa 3.000,4m^2 thửa số 6 vị trí M19-M20-M21-M22 (bao gồm phần đất ông Lâm Chí D đang ở). Tạm giao phần đất diện tích 192m^2 thửa số 7 vị trí M3-M4-M5-M6 cho nguyên đơn quản lý, sử dụng. Buộc ông Lâm Văn M1 giao lại cho ông Lâm Chí D và bà Lâm Ngọc X quản lý, sử dụng phần đất được chia (Kèm theo trích đo hiện trạng ngày 14/4/2023 Công ty TNHH P3).

- Buộc ông Trương Văn S1, bà Tống Kiều O và ông Lâm Văn M1 giao cho nguyên đơn căn nhà vị trí số 34 diện tích 196m^2 thuộc phần đất mà nguyên đơn được chia thừa kế. Nguyên đơn ông Lâm Chí D và bà Lâm Ngọc X có nghĩa vụ hoàn lại giá trị căn nhà cho ông Trương Văn S1, bà Tống Kiều O và ông Lâm Văn M1 số tiền 171.990.000 đồng (Một trăm bảy mươi mốt triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng).

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lâm Văn M1 với ông Phan Chí N5 và bà Danh Hồng T10 được xác lập ngày 21/02/2021 đối với phần đất theo đo đạc 90,9m^2 tại ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau là vô hiệu.

- Huỷ hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất (05 công đất trồng lúa) giữa ông Lâm Văn M1 với ông Nguyễn Văn T14 và bà Lý Thị T11 vào năm 2009 tại ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Huỷ hợp đồng thuê đất giữa ông Lâm Văn M1 với Bà Hồ Thanh N8 (vị trí nhà số C), ông Đặng Hoàng R1 (vị trí nhà số B, 29 và 31), ông Huỳnh Quốc A (vị trí nhà số B và 28), ông Vũ Việt p (vị trí nhà số B), ông Trần Quốc L4 (vị trí nhà số B bà Nguyễn Thị T9 nhờ ông L4 đứng tên trên hợp đồng thuê đất với ông Lâm Văn M1), ông Trương Văn S1 và bà Tống Kiều O (vị trí nhà số C) tại ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (Kèm theo trích đo hiện trạng ngày 14/4/2023 Công ty TNHH P3).

Về chi phí tố tụng và án phí:

- Về chi phí tố tụng: Buộc bị đơn ông Lâm Văn M1 phải hoàn lại cho nguyên đơn số tiền 72.729.000 đồng (Bảy mươi hai triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 21.485.600 đồng, ngày 05/10/2022 nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng án phí 5.068.000 đồng theo biên lai thu số 0005413 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu đối trừ, còn phải nộp tiếp 16.417.600 đồng.

Bị đơn phải chịu 20.658.000 đồng (chưa nộp).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/9/2023, ông Lâm Văn M1 kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm; Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn: Yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị đơn: Yêu cầu Tòa án hủy bản án sơ thẩm, lý do bản án sơ thẩm tuyên không chừa đường đi vào khu mộ, vợ ông M1 là bà Y và con ông M1 là chị T hiện đang ở Hàn Quốc và không xác định rõ phần mộ của ông G1 ở vị trí nào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 314/2023/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét kháng cáo của ông Lâm Văn M1 còn trong thời hạn luật định.

[2] Về thời điểm mở thừa kế và người được hưởng thừa kế: Ông Lâm Văn T13 (chết trong thời kỳ kháng chiến không rõ năm) và bà Trương Thị M3 (chết năm 2010) không để lại di chúc nên thời điểm mở thừa kế là sau khi bà M3 chết,

hàng thừa kế của ông T13 và bà M3 thuộc thứ nhất gồm: Ông Lâm Văn N7 (chết năm 1982), ông Lâm Văn G1 (chết năm 2019), bà Lâm Thị C1, ông Lâm Văn M1. Ông N7 có vợ là Nguyễn Thị H2 (chết) có 02 người con là Lâm Chí D và Lâm Ngọc X là người thừa kế thế vị của ông N7. Riêng ông Lâm Văn G1 chết sau bà M3, ông G1 có vợ là Đoàn Thị L5 (chết) có 03 người con Lâm Trọng N1, Lâm Mộng K2 và Lâm Thị L nên các con của ông G1 không được hưởng di sản thừa kế thế vị. Vậy người được hưởng thừa kế là ông Lâm Văn M1, bà Lâm Thị C1 và con của ông Lâm Văn N7 là ông Lâm Chí D và bà Lâm Ngọc X.

[3] Xét di sản chia thừa kế của ông Lâm Văn T13 và bà Trương Thị M3 là phần đất diện tích 43.440m^2, trong đó đất ở 300m^2, đất vườn 5.250m^2, đất trồng lúa 37.890m^2 thửa số 685, 686, tờ bản đồ số 3 tại ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995 đứng tên bà Trương Thị M3. Phần đất trên do Ủy ban nhân dân huyện T thu hồi để xây dựng đường ống dẫn khí và xây dựng đường ô tô còn lại là 27.027,7m^2 theo đo đạc thực tế diện tích 28.628,5m^2 được chia cho 3 kỷ phần.

[4] Ông Lâm Chí D và bà Lâm Ngọc X yêu cầu bị đơn ông Lâm Văn M1 chia thừa kế đối với phần đất 28.628,5m^2. Nguyên đơn được hưởng ¼ di sản thừa kế và nhận đất diện tích theo đo đạc 6.706,1m^2 vị trí theo đo đạc thửa số 3 + 6 theo Trích đo hiện trạng ngày 14/4/2023. Ông Lâm Văn M1 cho là lúc sinh thời, cha mẹ ông không chia đất cho ông Lâm Văn N7 nhưng đã cho đất Lâm Chí D (con ông N7) phần đất vườn ngang 07m, dài 40m, diện tích 280m^2 (theo đo đạc 230,8m^2) ông D cất nhà ở ổn định đến nay. Riêng bà Lâm Ngọc X, cha mẹ ông không cho đất. Ông không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn. Ông M1 có cho rằng các ông Phan Chí N5, bà Phan Thị L6, ông Nguyễn Văn K3, anh Lâm Trọng N1 đã xác nhận phần đất tranh chấp do cha mẹ để lại cho ông hưởng. Tuy nhiên, Toà án đã xác minh bà Phan Thị L6, ông Phan Chí N5 xác định nội dung "Đơn xác nhận" là không đúng sự thật. Ông M1 đánh máy sẵn nhờ họ ký tên chứ không xem lại nội dung. Ông Nguyễn Văn K3 có ký vào nội dung đơn xác nhận ngày 24/3/2023 thể hiện ông Lâm Văn G1 kêu ông M1 cho ông Lâm Chí D phần đất để cất nhà ở, còn ông M1 có cho đất ông D hay không thì ông không biết.

Ngoài ra, tại phiên toà ông M1 và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông M1 cho rằng bà M3 có di chúc miệng, để toàn bộ phần đất cho ông M1 và bà C1 hưởng. Xét lời trình bày của ông M1 là chưa có cơ sở vì năm 2010, bà Trương Thị M3 chết. Đến ngày 13/6/2017 thì ông M1 mới làm Tờ tường thuật, đánh máy sẵn nội dung cho những người làm chứng ký tên. Đến năm 2022 chính quyền cơ sở mới ký xác nhận là không phù hợp với quy định tại Điều 630 của Bộ luật Dân sự. Ông M1 xác định lúc sinh thời bà Trương Thị M3 chưa cho đất ông Lâm Văn N7. Sau khi ông N7 chết, bà M3 mới cho ông Lâm Chí D (con ông N7) 01 phần đất đang cất nhà hiện nay. Như vậy có sở xác định phần đất này do bà M3 cho riêng ông Lâm Chí D chứ không phân chia đất. Bị đơn có cho là mẹ ông có người con nuôi là bà Đặng Thị L7 nhưng qua xác minh hoàn toàn không có căn cứ chứng minh bà L7 là con nuôi bà Trương Thị M3. Ông M1 có đặt ra việc lối đi vào

khu mồ mã, qua đối chiếu hiện tại lối đi vào khu mộ còn nhiều lối đi khác ông M1 vẫn còn quản lý. Riêng khu mộ ông G1 không liên quan đến phần đất.

[5] Bà Lâm Thị C1 xác định lúc bà M3 còn sống đã cho bà C1 phần đất trồng lúa thửa số 05 và thửa số 06 (bao gồm phần đất nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế), việc cho đất chỉ nói miệng. Tuy nhiên, phần đất này theo đo đạc tổng diện tích 13.791m^2 thực tế do ông Lâm Văn M1 cho ông Nguyễn Văn T14 (chết) và bà Lý Thị T11 thuê vào năm 2009 với giá 20 chỉ vàng 24k như bà T11 trình bày. Nếu phần đất này đã cho bà C1 không lý do gì ông M1 đứng tên cố đất cho ông T14 và bà T11. Hơn nữa, tại biên bản họp gia đình ngày 26/5/2015 thể hiện toàn bộ quyền sử dụng đất do bà M3 chết để lại, các thành viên trong gia đình thống nhất do ông Lâm Văn M1 đứng tên nhưng Tờ Tường thuật ngày 10/9/2017 (bị đơn cho là di chúc miệng) lại thể hiện đất do bà M3 để lại cho ông M1 và bà C1 là có sự mâu thuẫn. Do đó, bà C1 cho rằng bà M3 đã cho bà phần đất trồng lúa giáp với ông Nguyễn Văn T14 và bà Lý Thị T11 là không có căn cứ.

[6] Đối với tranh chấp chia thừa kế giữa ông D, bà X với ông Lâm Văn M1 có liên quan đến phần đất mà ông Nguyễn Văn T14 và bà Lý Thị T11 nhận cố của ông M1. Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 29/8/2023, bà T11 xác định lại, phần đất nhận cố của bà Trương Thị M3 nhưng do ông M1 sống chung với bà M3 nên để ông M1 đứng tên trên hợp đồng cố đất. Phần đất cố không xác định có nằm trong phần đất tranh chấp mà nguyên đơn yêu cầu chia hay không. Nếu Toà án hủy hợp đồng cố đất giữa bà và ông T14 với ông M1 thì bà cũng không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng cố đất mà tự thoả thuận với ông M1. Lời trình bày của bà T11 phù hợp với trình bày của ông M1 về thời gian, diện tích đất cố và giá cố đất. Do đó, Hội đồng xét xử cần thiết phải huỷ hợp đồng cố đất giữa ông Lâm Văn M1 với ông Nguyễn Văn T14 và bà Lý Thị Tư . Do bà T11 không có yêu cầu độc lập và tự thoả thuận với ông M1 nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết hậu quả của hợp đồng cố đất này. Nếu bà T11 và ông M1 không thoả thuận được thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[7] Đối với phần đất có tổng diện tích 3.808,1m^2 vị trí thửa số 3 mà nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế có liên quan đến những người đã ký hợp đồng thuê đất với ông Lâm Văn M1 gồm: Bà Hồ Thanh N8 và ông Nguyễn Văn K3 (vị trí nhà số C), ông Đặng Hoàng R1 (vị trí nhà số B, 29 và 31), ông Huỳnh Quốc A (vị trí nhà số B và 28), ông Vũ Việt p (vị trí nhà số B) và bà Nguyễn Thị T9 (vị trí nhà số 23, do ông Trần Quốc L4 đứng tên dùm bà T9). Toà án đã ghi nhận ý kiến của những người này xác định tự thoả thuận với ông Lâm Văn M1, không yêu cầu Toà án giải quyết trong vụ án này. Trên phần đất này có một số người đã tiến hành xây cất nhà ở cặp Kinh Dớn thuộc một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trương Thị M3 đứng tên. Tại văn bản số 72/UBND ngày 18/6/2023 của Ủy ban nhân dân xã K đã cung cấp thông tin *Ý kiến UBND xã là phần đất này chưa đủ điều kiện để chuyển nhượng. Vì diện tích đất không đảm bảo diện tích tối thiểu tách thửa là 500m^2"*. Ngoài ra, trên phần đất ông Phan Chí N5 và bà Danh Hồng T10 (vị trí nhà số B) có mua đất nền của ông Lâm Văn M1 với giá 50.000.000 đồng, hai bên có lập giấy tay ngày 21/022021 (bút lục 162). Xét hợp đồng chuyển

nhượng đất giữa ông M1 với ông N5 và bà T10 không có công chứng, chứng theo theo quy định của pháp luật đất đai. Căn cứ ý kiến của UBND xã K thì hợp đồng hợp đồng đất nền giữa ông M1 với ông N5 và bà T10 là vô hiệu. Ông N5 xác định Toà án giải quyết hợp đồng mua bán đất nền giữa ông với ông M1 vô hiệu thì ông yêu cầu ông M1 bồi thường tiền và chi phí đầu tư, xây dựng nhà trên đất nhưng ông với ông M1 tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Đối với phần đất của ông Vũ Việt P1 (nhà số B), ông Huỳnh Quốc A (nhà số B), ông Đặng Hoàng R (nhà số B) và bà Hồ Thanh N8 (nhà số C) thuê của ông M1 nằm ngoài thửa đất mà nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế. Tuy nhiên, nguyên đơn có yêu cầu tạm giao cho nguyên đơn quản lý sử dụng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy thấy cần thiết phải huỷ các hợp đồng thuê đất của những hộ này với ông Lâm Văn M1. Hậu quả của các hợp đồng này, các hộ không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Trên đất mà nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế có 01 căn nhà của ông Trương Văn S1 và bà Tống Kiều O. Theo bà O xác định căn nhà này vợ chồng bà mua lại của người khác (không rõ họ tên, địa chỉ) với giá 100.000.000 đồng, có lập giấy tay. Còn phần đất do người này thuê của ông Lâm Văn M1 nhưng đã thanh toán tiền thuê đất cho ông M1 xong. Vợ chồng bà nhận nhà ở từ năm 2022 đến nay, chưa trả tiền thuê đất cho ông M1. Hợp đồng thuê đất giữa vợ chồng bà với ông M1, sẽ cung cấp cho Toà án sau. Trường hợp nếu giao đất cho ông D thì bà yêu cầu tiếp tục thuê để mua bán. Trường hợp yêu cầu vợ chồng bà trả lại nhà thì yêu cầu bồi thường giá trị nhà theo pháp luật. Tại phiên toà, ông Lâm Văn M1 xác định do vợ chồng ông S1 và bà O không trả tiền thuê nhà nên ông S1 và bà O đã giao căn nhà này lại cho ông quản lý, sử dụng. Tuy nhiên, ông M1 không cung cấp chứng cứ, chứng minh. Phía nguyên đơn yêu cầu ông S1, bà O và ông M1 giao căn nhà này, nguyên đơn sẽ hoàn lại giá trị theo kết luận định giá cho ông S1, bà O và ông M1. Xét yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp, có căn cứ được chấp nhận.

[9] Phần đất theo đo đạc tổng diện tích 28.628,5m^2 (trừ diện tích hai khu mộ 79,9m^2, diện tích lộ bê tông 102,4m^2), còn lại 28.446,2m^2 được chia cho 03 kỷ phần: ông M1, bà C1 và các con của ông N7 (ông D và bà X), mỗi người được nhận 9.482,06m^2. Nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế thế vị và được nhận 01 kỷ phần (tương đương diện tích 9.482,06m^2) nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu nhận 6.706,1m^2, trong đó đất ở 58,5m^2 và trồng cây lâu năm 3.647,2m^2 thửa số 3 vị trí M6”-M7-M8-M9-M10-M11 và đất trồng lúa 3.000,4m^2 thửa số 6 vị trí M, bao gồm cả phần đất ông Lâm Chí D đang ở do bà Trương Thị M3 cho là có căn cứ, được chấp nhận. Đối với phần đất diện tích 192m^2 thửa số 7, nguyên đơn không yêu cầu chia nhưng yêu cầu tạm giao cho nguyên đơn quản lý, sử dụng. Xét phần đất này nằm giáp phần bảo lưu ven sông trước mặt tiền của nguyên đơn được được phân chia và hưởng dụng nên tạm giao cho nguyên đơn là phù hợp. Toàn bộ phần đất này do ông Lâm Văn M1 đang quản lý nên buộc ông M1 giao cho nguyên đơn.

[10] Phần đất sau khi chia cho nguyên đơn còn lại là 21.740,1m^2 (trừ diện tích 192m^2 tạm giao cho nguyên đơn), còn lại 21.548,1m^2. Tuy nhiên, bà Lâm Thị

C1 không yêu cầu Toà án giải quyết trong vụ án này. Do đó, kỷ phần của bà C1 tạm giao cho ông Lâm Văn M1 được tiếp tục quản lý.

[11] Đối với những người ký hợp đồng thuê đất với ông Lâm Văn M1 nằm ngoài phần đất mà nguyên đơn đơn yêu cầu chia thừa kế, những người này không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Ý kiến đại diện viện kiểm sát: Đề nghị hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm

[13] Về án phí và chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc là 67.639.000 đồng và thẩm định giá là 28.160.000 đồng. Tổng cộng 95.799.000 đồng, nguyên đơn phải chịu 23.070.000 đồng, bị đơn phải chịu 72.729.000 đồng, nguyên đơn đã dự nộp xong nên buộc bị đơn phải hoàn lại cho nguyên đơn số tiền 72.729.000 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 21.485.600 đồng. Bị đơn phải chịu 20.658.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lâm Văn M1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 314/2023/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Chí D và bà Lâm Ngọc X về việc chia thừa kế đối với phần đất có tổng diện tích theo đo đạc 28.628,5m^2 thuộc thửa số 685, 686, tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau, được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995 cho bà Trương Thị M3 đứng tên.

Ông Lâm Chí D và bà Lâm Ngọc X được chia phần đất có tổng diện tích 6.706,1m^2 trong đó phần đất ở 58,5m^2, trồng cây lâu năm 3.647,2m^2 thửa số 3 vị trí M6"-M7-M8-M9-M10-M11 và đất trồng lúa 3.000,4m^2 thửa số 6 vị trí M19-M20-M21-M22 (bao gồm phần đất ông Lâm Chí D đang ở). Tạm giao phần đất diện tích 192m^2 thửa số 7 vị trí M3-M4-M5-M6 cho nguyên đơn quản lý, sử dụng. Buộc ông Lâm Văn M1 giao lại cho ông Lâm Chí D và bà Lâm Ngọc X quản lý, sử dụng phần đất được chia (Kèm theo trích đo hiện trạng ngày 14/4/2023 Công ty TNHH P3).

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan quản lý đất đai để làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Buộc ông Trương Văn S1, bà Tống Kiều O và ông Lâm Văn M1 giao cho nguyên đơn căn nhà vị trí số 34 diện tích 196m^2 thuộc phần đất mà nguyên đơn được chia thừa kế. Nguyên đơn ông Lâm Chí D và bà Lâm Ngọc X có nghĩa vụ hoàn lại giá trị căn nhà cho ông Trương Văn S1, bà Tống Kiều O và ông Lâm Văn

M1 số tiền 171.990.000 đồng (Một trăm bảy mươi mốt triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán.

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lâm Văn M1 với ông Phan Chí N5 và bà Danh Hồng T10 được xác lập ngày 21/02/2021 đối với phần đất theo đo đạc 90,9m^2 tại ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau là vô hiệu.

- Huỷ hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất (05 công đất trồng lúa) giữa ông Lâm Văn M1 với ông Nguyễn Văn T14 và bà Lý Thị T11 vào năm 2009 tại ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Huỷ hợp đồng thuê đất giữa ông Lâm Văn M1 với Bà Hồ Thanh N8 (vị trí nhà số C), ông Đặng Hoàng R1 (vị trí nhà số B, 29 và 31), ông Huỳnh Quốc A (vị trí nhà số B và 28), ông Vũ Việt p (vị trí nhà số B), ông Trần Quốc L4 (vị trí nhà số B bà Nguyễn Thị T9 nhờ ông L4 đứng tên trên hợp đồng thuê đất với ông Lâm Văn M1), ông Trương Văn S1 và bà Tống Kiều O (vị trí nhà số C) tại ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (Kèm theo trích đo hiện trạng ngày 14/4/2023 Công ty TNHH P3).

3. Về chi phí tố tụng và án phí:

- Về chi phí tố tụng: Buộc bị đơn ông Lâm Văn M1 phải hoàn lại cho nguyên đơn số tiền 72.729.000 đồng (Bảy mươi hai triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 21.485.600 đồng, ngày 05/10/2022 nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng án phí 5.068.000 đồng theo biên lai thu số 0005413 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu đối trừ, còn phải nộp tiếp 16.417.600 đồng.

Bị đơn phải chịu 20.658.000 đồng (chưa nộp).

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lâm Văn M1 phải nộp 300.000 đồng. Ngày 11/9/2023 đã dự nộp số tiền 300.000 lai số 0007354 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Hùng Quang